

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **03/2020/HSST**

Ngày: 12/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: bà Trương Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn Dũng và bà Điều Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lý Văn Hôn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên toà: ông Đỗ L Hiếu,
ông Nguyễn T Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2020/HSST ngày 03 tháng 01 năm 2020; đối với các bị cáo:

01. ĐIỀU P, sinh năm 1993; tại: tỉnh Bình Phước; HKTT: ấp Mười Mầu, xã Phước Thiện, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước; dân tộc: S'tiêng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Tin Lành; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Điều Lúc, sinh năm 1971 và bà Điều Thị Hy, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ và có 01 người con sinh năm 2017, tiền án; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2019 đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

02. ĐIỀU D, sinh năm 1997; Tại: tỉnh Bình Phước; HKTT: ấp Bù Tam, xã HP, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: S'tiêng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Điều Đ, sinh năm 1977 và bà Thị B, sinh năm 1979; bị cáo có vợ tên Thị Tr, sinh năm 2001; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Ngày 02/6/2014 bị TAND huyện BÐ xử phạt 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Ngày 31/01/2015 Điều D đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 10/9/2019 đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

03. ĐIỀU MINH T (tên gọi khác: Cu Đen), sinh năm 1996; Tại: tỉnh Bình Phước; HKTT: ấp Phước Tiến, xã HP, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: S'tiêng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Làm nông; con ông Điều Minh L, sinh năm 1970 và bà Điều Thị Nt, sinh năm 1972; bị cáo có 02 anh chị em,

lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994 và chưa có vợ con; tiền án; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 10/9/2019 đến nay (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* ông Dương Tất Ph, sinh năm 1983 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Bình Phước.

- *Các bị hại:*

1. Trần Công S, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp 8, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

2. Phạm Văn S1, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp Bù Tam, xã HP, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Tống Văn Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp 1, xã Thanh Hòa, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

2. Điều Minh L, sinh năm 1970 và Điều Thị Nguyệt, sinh năm 1972, cùng địa chỉ: ấp Phước Tiến, xã HP, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

3. Thị B, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp Phước Tiến, xã HP, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

- *Những người làm chứng:*

1. Bùi Thị Minh P, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp TL, xã Tân T, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

2. Lê Phước L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp 6, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

3. L T, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp 8, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

4. Ngô Văn Q, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp TL, xã T T, huyện BĐ, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 07/9/2019, sau khi uống rượu xong, Điều P và Điều D rủ nhau đi tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản bán kiếm tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định của mình, Điều P cầm theo 01(một) con dao rựa dài 86,5 cm và 01(một) con dao tự chế dài 76,6 cm nhằm mục đích nếu bị người dân phát hiện thì sẽ hù dọa để chạy trốn. Sau đó, Điều D điều khiển xe mô tô hiệu Wave, không biển kiểm soát chở Điều P ngồi sau đi vào khu vực ấp Tân Lập, xã Phước Thiện, huyện BĐ. Khi đi ngang qua vườn cao su non do anh Phạm Văn Lòng, sinh năm 1970, địa chỉ: ấp Tân Lập, xã Phước Thiện, huyện BĐ thuê để trồng dưa hấu, P và D phát hiện có 04(bốn) người dân gồm anh Ngô Văn Q, sinh năm: 1985, chị Bùi Thị Minh P, sinh năm: 1985 cùng địa chỉ: ấp Tân Lợi, xã Tân T, huyện

BĐ, anh Trần Công S, sinh năm: 1998 và anh L T, sinh năm: 1998, cùng địa chỉ: ấp 8, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước đang ngồi trong chòi canh dưa hấu nên nảy sinh ý định vào chiếm đoạt tài sản để chia nhau tiêu xài. Ngay sau đó, Điều P nói Điều D dùng xe cách chòi khoảng 10m, còn P hai tay cầm 02(hai) con dao đi vào chòi nói “cho xin ít dầu coi”, anh Q trả lời “tụi em đi làm thuê, dầu trong phi, anh lấy bao nhiêu để em lấy cho”, nghe Q nói xong, Điều P đưa dao rựa vào cổ của Q và nói “dầu ở đây là tiền, tao xin tiền để đập đá”. Thấy vậy, anh S đứng lên nói “có gì từ từ nói” thì bị Điều P cầm dao rựa chém sống dao vào lưng S 02(hai) cái rồi tiếp tục dùng dao rựa chém đứt dây võng dù, dây bóng điện và chém xuống giường gỗ. Thấy vậy, anh S xông vào ôm Điều P vật xuống đất thì bị Điều D từ ngoài chạy vào cầm 01(một) lưỡi xẻng (có sẵn trong chòi, không có cán) đánh vào lưng anh S 03(ba) cái. Anh S cùng mọi người bỏ chạy ra ngoài thì bị Điều P cầm dao đuổi theo nhưng không kịp nên quay lại chòi lấy 01(một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 93S1 – 3880 của anh Trần Công S, do xe không nổ được máy nên Điều P nói Điều D điều khiển xe Wave và dùng chân đẩy xe mô tô mà P vừa lấy được đi cất giấu.

Sau khi đi được khoảng 02 km, P dùng xe lại, ngồi đầu nối dây điện để nổ máy xe mô tô, sau đó cùng Điều D chạy về nhà Điều Minh T ở ấp Phước Tiến, xã HP, huyện BĐ để nhờ cất giấu. Khi thấy Điều P và Điều D đến nhà nhờ cất giữ xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 93S1 – 3880, T hỏi P và D nguồn gốc xe thì được P và D kể lại toàn bộ sự việc trên. Sau khi biết được nguồn gốc xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 93S1 – 3880 là do P và D mới chiếm đoạt của người khác, mặc dù không hứa hẹn từ trước nhưng do quen biết nên T vẫn đồng ý chứa chấp tài sản nêu trên tại nhà của mình.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra còn xác định vào khoảng 15 giờ ngày 24/8/2019, Điều Minh T điều khiển xe mô tô hiệu Wave không biển kiểm soát của Điều D để chở D đi chích cá ở khu vực ấp Bù Tam, xã HP. Khi đi ngang qua vườn tiêu nhà anh Trần Văn Trung phát hiện 01(một) xe mô tô hiệu Wave màu đen, biển kiểm soát: 66N8 – 7758 của anh Phạm Văn S1 đang dựng phía trước chòi gỗ trong vườn tiêu nhà anh Trung, không có người coi giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm bán chia nhau tiêu xài. Ngay sau đó, T dùng xe, đứng ngoài đường cảnh giới, còn P đi vào lấy chìa khóa đang treo ở gần xe để nổ máy chạy đi đến khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia (ngâm 3/2) thuộc địa phận thôn 4, xã Thiện Hưng, huyện BĐ bán cho một người đàn ông Campuchia (không rõ nhân thân L lịch) được 2.250.000 đồng, chia nhau mỗi người 1.125.000 đồng tiêu xài.

Bản kết luận định giá tài sản số 63/2019/BKL-ĐGTS ngày 02/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện BĐ xác định: xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát: 93S1 – 3880 mà Điều P và Điều D chiếm đoạt của anh Trần Công S có giá trị là: 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Bản kết luận định giá tài sản số 03/2019/BKL-ĐGTS ngày 10/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện BĐ xác định: xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave S, biển kiểm soát: 66N8 – 7758 mà Điều D và Điều Minh T chiếm đoạt của anh Phạm Văn S1 có giá trị là: 5.550.000đ (năm triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số: 04/CT - VKS ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Điều P về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự; Điều D về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Điều Minh T về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện BD đã truy tố và kết luận.

Đại diện Viện kiểm sát, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng; đề nghị HĐXX tuyên bị cáo Điều P phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; Điều D phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điều Minh T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị HĐXX tuyên:

Đối với bị cáo Điều P: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo tù 08 (tám) năm đến 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù;

Đối với bị cáo Điều D: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm d khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo tù 7 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù về tội “cướp tài sản” và 06(sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo tù 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù.

Đối với bị cáo Điều Minh T: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, Điều 323 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo tù 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề xuất mức hình phạt tù 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Các bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo là ông Dương Tất Phú: ông thống nhất và đồng ý với điều khoản như vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BD công bố. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho người phạm tội; đề nghị Hội

đồng xét xử cho các bị cáo mức hình phạt thấp nhất cũng đủ tính răn đe các bị cáo. Các bị cáo đồng ý với lời trình bày của Người bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 07/9/2019, tại địa phận thuộc ấp Tân Lập, xã Phước Thiện huyện BD. Bị cáo Điều P đã có hành vi dùng 01(một) con dao rựa kề vào cổ không chế anh Ngô Văn Q và anh Trần Công S. Rồi tiếp tục dùng dao rựa chém đứt dây võng dù, dây bóng điện và chém xuống giường gỗ) còn Điều D có hành vi dùng vũ lực là cầm 01(một) lưỡi xẻng có sẵn trong chòi, không có cán đánh vào lưng anh S 03(ba) cái. Sau đó, hai P và D chiếm đoạt 01(một) xem mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 93S1 – 3880 của anh Trần Công S trị giá 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi chiếm đoạt được tài sản, D và P đem về nhà Điều Minh T cất giấu.

Khi biết Điều P và Điều D mới chiếm đoạt của người khác bất hợp pháp, mặc dù không hứa hẹn từ trước nhưng do quen biết nên Điều Minh T vẫn đồng ý chứa chấp tài sản nêu trên tại nhà của mình. Hành vi nêu trên của các bị cáo Điều P và Điều D đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Điều Minh T đã phạm vào tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Ngày 24/8/2019, tại khu vực ấp Bù Tam, xã HP, bị cáo Điều Minh T và Điều D đã có sự bàn bạc từ trước đó là lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút trộm cắp 01(một) xe mô tô hiệu Wave màu đen, biển kiểm soát: 66N8 – 7758 của anh Phạm Văn S1 đang dựng

phía trước chòi gỗ đem bán cho một người đàn ông Campuchia (không rõ nhân thân L lịch) được 2.250.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo Điều Minh T và Điều D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an ninh xã hội. Các bị cáo là người đã T niên, có sức khỏe, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân và có tiền để sử dụng ma túy mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của các bị cáo. Do vậy, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là cần thiết, nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và phòng ngừa chung chung khi mà tình hình phạm tội trên địa bàn huyện BĐ gần đây ngày càng gia tăng, phức tạp và xảy ra ngày càng nhiều.

Trong vụ án này:

Đối với hành vi cướp tài sản, bị cáo P là người chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội và là người thực hành tích cực nên bị cáo P phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo D.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Điều D là người khởi xướng và đồng thời là người thực hành tích cực nên bị cáo D phải chịu mức hình phạt cao hơn đối với bị cáo T.

[4] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Điều P: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi và trả lại cho người bị hại; bị cáo đã từng có thời gian tham gia trong Q ngũ (hoàn T xong nghĩa vụ Q sự). Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Điều D: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả; tài sản đã thu hồi và trả lại cho người bị hại; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số; trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Điều Minh T: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật của bị cáo có phần hạn chế; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với người đàn ông Campuchia đã mua xe của Điều Minh T và Điều D, trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được nên không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không xét.

[6] Xét về nhân thân: Trong vụ án này; bị cáo Điều D là người có nhân thân xấu; Ngày 02/6/2014 bị TAND huyện BD xử phạt 01 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Ngày 31/01/2015, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó chứng tỏ thái độ xem thường pháp luật của bị cáo rất rõ. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trần Công S đã nhận lại tài sản bị mất do Điều P và Điều D chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên không đề cập, Hội đồng xét xử không xét.

Bị hại là Phạm Văn S1, mặc dù tài sản bị mất không thu hồi được nhưng gia đình các bị can Điều D (bà Điều Thị Nguyệt là mẹ ruột của Điều D) và Điều Minh T (bà Thị B là mẹ ruột của T) đã bồi thường cho anh S1 5.000.000 đồng, anh S1 không yêu cầu gì khác nên không đề cập, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với các tài sản dây cột võng, đèn bin ở trong chòi canh dưa đã bị Điều P và Điều D làm hư hỏng nhưng do tài sản có giá trị không lớn, bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với người liên quan Tống Văn Đ: Cơ quan điều tra xác định ông Đ là chủ nhân hợp pháp của xe mô tô, loại Wave, không Đ không có yêu cầu gì khác, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với bà Điều Thị Nguyệt và bà Thị B là người bỏ tiền để bồi thường cho bị hại Phạm Văn S1 nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyệt và bà S1 không yêu cầu các bị cáo trả lại cho bà số tiền trên nên HĐXX không xem xét.

[8] Về vật chứng:

Đối với 01(một) dao rựa, dài 86,5cm và 01 dao tự chế dài 76,6cm, rộng 5cm là của Điều P; Đây là hung khí mà các bị cáo Điều D và Điều P sử dụng để cướp tài sản. Xét thấy, tài sản không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01(một) lưới xẻng bằng kim loại, kích thước 40x22cm: Đây là công cụ bị cáo Điều D sử dụng để tấn công ông Trần Công S và là công cụ lao động thuộc sở hữu hợp pháp của ông Trần Công S. HĐXX xét thấy, cần trả lại cho ông S.

Đối với 01(một) xe mô tô, loại Wave, không biển kiểm soát, số máy: 1010241; số khung: 010241 mà bị cáo Điều D sử dụng làm phương tiện để đi thực hiện hành vi phạm tội. Đây là xe mô tô thuộc sở hữu hợp pháp của ông Điều Minh L mua lại của 01(một) thanh niên không rõ L lịch với giá tiền 1.800.000 đồng. Sau khi tra cứu, CQĐT xác định xe mô tô trên có biển kiểm soát: 93P2-063.59 là tài sản hợp pháp của ông Tống Văn Đ đã bị mất trộm vào tháng 10/2017. Khi mua xe, ông L không biết xe mô tô mình mua là do trộm mà có. Cơ quan CSĐT Công an huyện BD đã trả lại xe mô tô trên cho ông Tống Văn Đ là chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối 01(một) xe mô tô loại Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 93S1-3880: Đây là tài sản hợp pháp của ông Trần Công S. Cơ quan CSĐT Công an huyện BD đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01(một) xe mô tô, hiệu Honda, loại Wave S, biển kiểm soát: 66N8-7758: Đây là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn S1. Cơ quan CSĐT Công an huyện BD không thu giữ được nên không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với hành vi của bị cáo Điều P và Điều D sử dụng dao và lưỡi xẻng đánh vào lưng anh Trần Công S, anh S chỉ bị xây xước nhẹ và không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với đối tượng đã bán xe mô tô, loại Wave, không biển kiểm soát, số máy: 1010241; số khung: 010241 cho ông Điều Minh L: Do ông L không biết tên tuổi, địa chỉ của đối tượng đã bán xe nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xác minh nên không đề cập, Hội đồng xét xử không xét.

[9] Xét, sự đề xuất về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát và Người bào chữa cho các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Điều P phạm tội “Cướp tài sản”.

Tuyên bố Điều D phạm tội “Cướp tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”

Tuyên bố Điều Minh T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Điều P 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 10/9/2019).

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Điều D 07 (bảy) năm 06(sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải thi hành là 08 (tám) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 10/9/2019).

Áp dụng khoản 1 Điều 323; khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Điều Minh T 10(mười) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải thi hành là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 10/9/2019).

2. Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên:

Trả lại ông Trần Công S 01(một) lưỡi xẻng bằng kim loại, kích thước 40x22cm.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) dao rựa, dài 86,5cm và 01(một) dao tự chế dài 76,6cm, rộng 5cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 0007614 ngày 02/01/2020 giữa Công an huyện BD và Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD).

3. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện BD;
- Công an huyện BD;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện BD;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trương Thị Việt Nga